

**CHUYÊN ĐỀ:**

**ĐƯỜNG LỐI, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN  
KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

***Hoàng Xuân Long***

**Email: [hoangxuan\\_long@yahoo.com](mailto:hoangxuan_long@yahoo.com)**

## **Các phần chính**

- 1. Đường lối phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở Việt Nam**
- 2. Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 ở Việt Nam**

# **1. Đường lối phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở Việt Nam**

1.1 Vai trò lãnh đạo KH,CN&ĐMST của Đảng Cộng sản Việt Nam

1.2 Tổng quan quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

1.3 Các nội dung trọng tâm về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030

# 1.1 Vai trò lãnh đạo KH,CN&ĐMST của Đảng Cộng sản Việt Nam

## # Vai trò lãnh đạo của Đảng trong phát triển đất nước

Theo Hiến pháp nước ta, Đảng là chủ thể lãnh đạo, nhà nước là trụ cột và thực hiện chức năng quản lý xã hội

Hoạt động lãnh đạo của Đảng có các đặc trưng: Đảng lãnh đạo chứ Đảng không quản lý; Đảng là tổ chức lãnh đạo chứ không phải là cơ quan quản lý. Khái niệm Đảng lãnh đạo phản ánh hoạt động cơ bản của Đảng cả thời kỳ chưa có chính quyền và thời kỳ đảng cầm quyền. Trong điều kiện đảng cầm quyền, hoạt động đảng lãnh đạo không giới hạn ở việc Đảng lãnh đạo Nhà nước, mà Đảng lãnh đạo đối với tất cả các tổ chức khác trong hệ thống chính trị, các tổ chức xã hội và toàn xã hội; Đảng không chỉ lãnh đạo chính trị, mà lãnh đạo cả tư tưởng, tổ chức, cán bộ theo đường lối chính trị của Đảng

# KH,CN&ĐMST là một lĩnh vực quan trọng cần nhấn mạnh đến sự lãnh đạo của Đảng

+ Đảng lãnh đạo trên trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, ..., trong đó có KH,CN&ĐMST

+ Đặc biệt KH,CN&ĐMST còn có những đặc thù riêng đòi hỏi nhấn mạnh sự lãnh đạo của Đảng: là lĩnh vực có vai trò quan trọng đối với phát triển đất nước; nổi bật các mâu thuẫn giữa lợi ích trực tiếp và gián tiếp, giữa lợi ích riêng và chung, giữa lợi ích trước mắt và lâu dài

## 1.1 Vai trò lãnh đạo KH,CN&ĐMST của Đảng Cộng sản Việt Nam

# Đề ra đường lối, chủ trương, chính sách lớn, định hướng cho sự phát triển KH,CN&ĐMST là một phương thức cơ bản thực hiện sự lãnh đạo của Đảng.

Có nhiều phương thức cơ bản lãnh đạo của Đảng về KH,CN&ĐMST:

- (1) Đảng đề ra đường lối, chủ trương, chính sách lớn, định hướng cho sự phát triển KH,CN&ĐMST của toàn xã hội trong từng thời kỳ nhất định
- (2) Đảng đề ra phương hướng và những nguyên tắc cơ bản nhằm xây dựng bộ máy quản lý nhà nước về KH,CN&ĐMST
- (3) Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân trong hoạt động KH,CN&ĐMST
- (4) Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ trong các cơ quan nhà nước về KH,CN&ĐMST
- (5) Đảng giáo dục đảng viên nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu; tuyên truyền, vận động, giáo dục, động viên các tầng lớp nhân dân ủng hộ và tích cực thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về KH,CN&ĐMST
- (6) Đảng kiểm tra đảng viên và các tổ chức của Đảng trong các cơ quan, tổ chức nhà nước về việc chấp hành và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, các nghị quyết của Đảng về KH,CN&ĐMST

## **1.2 Tổng quan quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam**

# Tổng quan quan điểm về vai trò, sứ mệnh KH,CN&ĐMST trong văn kiện quan trọng của Đảng Cộng sản Việt Nam

## **- Giai đoạn chiến tranh (trước 1976)**

*Báo cáo Về nhiệm vụ kế hoạch ba năm (1958-1960) phát triển và cải tạo kinh tế quốc dân [Báo cáo tại Hội nghị Trung ương lần thứ 14 - Khóa II (năm 1958)]:* Khoa học và kỹ thuật là một điều kiện không thể thiếu được trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội

*Nghị quyết của Ban bí thư - số 157-NQ/TW, ngày 22- 2 -1967 Về tăng cường công tác khoa học và kỹ thuật trong tình hình và nhiệm vụ mới:* Cách mạng kỹ thuật là then chốt

## **- Giai đoạn kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp (1976 – 1986)**

*Nghị quyết Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam Khóa IV (1976):* cách mạng khoa học và kỹ thuật là then chốt

*Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 7 (khoá IV):* KH&CN là nền tảng của công nghiệp hoá, hiện đại hoá

*Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V (1982):* cách mạng khoa học - kỹ thuật giữ vị trí then chốt trong ba cuộc cách mạng

## 1.2.1 Tổng quan quan điểm về vai trò, sứ mệnh KH,CN&ĐMST trong văn kiện quan trọng của Đảng Cộng sản Việt Nam

### ***- Giai đoạn đổi mới và hội nhập (từ 1986)***

*Nghị quyết Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam Khóa lần thứ VI: KH&CN là một động lực mạnh mẽ của sự nghiệp đổi mới, ổn định tình hình và phát triển kinh tế - xã hội*

*Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI (1996): KH&CN là quốc sách hàng đầu, là động lực phát triển KT-XH, là điều kiện cần thiết để giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công CNXH*

*Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Khóa XI Ban Chấp hành Trung ương Đảng - Nghị quyết số 20-NQ/TW (2012): Phát triển và ứng dụng KH&CN là quốc sách hàng đầu, là một trong những động lực quan trọng nhất để phát triển KT-XH và bảo vệ Tổ quốc; là một nội dung cần được ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước trong hoạt động của các ngành, các cấp*



## 1.2.1 Tổng quan quan điểm về vai trò, sứ mệnh KH,CN&ĐMST trong văn kiện quan trọng của Đảng Cộng sản Việt Nam

### *# Một số phân tích*

1. Vai trò, sứ mệnh của KH&CN được diễn đạt ở tầm khái quát cao dưới dạng các tuyên ngôn, khẩu hiệu - khác với những nhiệm vụ thông thường
2. Quan điểm của Đảng về vai trò, sứ mệnh của KH&CN đã tiếp tục được thể hiện trong các văn kiện của Nhà nước
3. Vai trò, sứ mệnh của KH&CN được xác định dựa trên các mục tiêu phát triển chung của đất nước
4. Việc đề cao vai trò, sứ mệnh của KH&CN gắn liền với những nhận thức về xu hướng phát triển chung trên thế giới
5. Vai trò KH&CN chi phối các quan điểm phát triển KH&CN. Luận điểm về vai trò, sứ mệnh quan trọng của KH&CN là hạt nhân trong các quan điểm phát triển KH&CN ở nước ta
6. Quan điểm về vai trò, sứ mệnh của KH&CN của Đảng trải qua những thay đổi, điều chỉnh về một số mặt như: mức độ quan trọng của KH&CN; phạm vi phát huy, mục tiêu phục vụ của KH&CN; về các quan hệ định vị rõ vai trò của KH&CN; chú ý đến mức độ phát huy trên thực tế của KH&CN
7. Cùng với đề cao quan điểm về vai trò, sứ mệnh của KH,CN&ĐMST và bổ sung cho quan điểm này còn có một số quan điểm khác được nhấn mạnh

## 1.2.2 Tổng quan mục tiêu phát triển KH,CN&ĐMST trong văn kiện quan trọng của Đảng Cộng sản Việt Nam

### - *Giai đoạn chiến tranh (trước 1976)*

*Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 14 khóa II (1958): ...*, ra sức đào tạo cán bộ khoa học, kỹ thuật, đưa công tác khoa học, kỹ thuật của ta tiến nhanh và mạnh để phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa và củng cố quốc phòng, nhất là đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và xây dựng cơ bản...

*Nghị quyết Đại hội Đảng Lao động Việt Nam lần thứ III (1960):* khoa học và kỹ thuật phải gắn liền với sản xuất, phục vụ sản xuất, phục vụ dân sinh, phục vụ quốc phòng

*Nghị Quyết của Ban Bí thư BCHTW Đảng số 157 – NQ/TW (1967):* Khoa học và kỹ thuật hướng vào: (1) Phục vụ đắc lực cuộc cách mạng kỹ thuật trong thời chiến; (2) Tích cực chuẩn bị để phục vụ đắc lực cuộc cách mạng kỹ thuật trên quy mô lớn, với trình độ cao và trong phạm vi cả nước sau khi cuộc chiến tranh chống Mỹ kết thúc thắng lợi

### - *Giai đoạn kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp (1976 – 1986)*

*Nghị quyết số 37-NQ/TW về chính sách khoa học và kỹ thuật (1981):* phải hướng vào phục vụ tốt nhất cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội trong vòng 3 - 4 kế hoạch 5 năm.

## 1.2.2 Tổng quan mục tiêu phát triển KH,CN&ĐMST trong văn kiện quan trọng của Đảng Cộng sản Việt Nam

### - *Giai đoạn đổi mới và hội nhập (từ 1986)*

*Nghị quyết của Bộ Chính trị số 26-NQ/TW (1991):* xây dựng luận cứ khoa học cho con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; xây dựng nền khoa học tiên tiến của nước ta.

*Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 7 (1994):* Cung cấp cơ sở khoa học cho các quyết định, các chủ trương, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, dự án đầu tư; Đẩy nhanh quá trình đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ trong nền kinh tế một cách có trọng điểm; Xây dựng và phát triển năng lực KH&CN để làm chủ công nghệ nhập và sáng tạo công nghệ mới, chuẩn bị cho sự phát triển đất nước vào đầu thập niên tới.

*Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Khóa VIII Ban Chấp hành Trung ương Đảng - số 02-NQ/HNTW (1996):* đến năm 2020 đạt trình độ công nghệ tiên tiến trong khu vực ở các ngành kinh tế trọng điểm; phát triển một số ngành công nghiệp biển; tiếp cận với trình độ thế giới trong một số lĩnh vực quan trọng; đến năm 2020 có một số phòng thí nghiệm, viện nghiên cứu, trường đại học đạt trình độ quốc tế; ...

*Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI - số 20-NQ/TW- (2012):* phát triển mạnh mẽ KH&CN thực sự là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 và là nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI. Đồng thời còn có các mục tiêu cụ thể ...

## 1.2.2 Tổng quan mục tiêu phát triển KH,CN&ĐMST trong văn kiện quan trọng của Đảng Cộng sản Việt Nam

### # Một số phân tích

1. Trải qua nhiều năm với các thời kỳ khác nhau, các mục tiêu phát triển KH&CN đã có thay đổi về cách thức xác định. Đó là sự thay đổi thể hiện rõ trên các mặt: phục vụ kinh tế - xã hội; phát triển nền KH&CN nói chung; phát triển từng lĩnh vực KH&CN
2. Quá trình đẩy mạnh cụ thể hoá trong mục tiêu phát triển KH&CN được diễn ra theo con đường đích dần. Trước tiên là cụ thể về đối tượng mà KH&CN hướng vào phục vụ, trong khi bản thân KH&CN vẫn còn chung chung (KH&CN nói chung phục vụ cho các lĩnh vực kinh tế, xã hội ưu tiên). Tiếp theo là cụ thể hoá về lĩnh vực KH&CN (KH&CN cụ thể phục vụ kinh tế, xã hội nói chung)
3. Qua xu hướng chung có thể thấy có những thay đổi diễn ra đồng thời trong xác định mục tiêu phát triển KH&CN: cụ thể hoá, trọng tâm hoá, giới hạn về mốc thời gian. Giữa chúng cũng có quan hệ ràng buộc lẫn nhau, song hành và là tiền đề cho nhau.
4. Có sự dũng cảm, cầu thị khi tiến hành điều chỉnh mục tiêu theo hướng lùi lại để phù hợp với thực tế (\*)

### 1.2.3 Tổng quan nhiệm vụ, giải pháp phát triển KH,CN&ĐMST trong văn kiện quan trọng của Đảng Cộng sản Việt Nam

#### ***- Giai đoạn chiến tranh (trước 1976)***

Nghị quyết của Ban bí thư - số 157-NQ/TW (1967) Về tăng cường công tác khoa học và kỹ thuật trong tình hình và nhiệm vụ mới: Khoa học và kỹ thuật hướng vào: (1) Phục vụ đặc lực cuộc cách mạng kỹ thuật trong thời chiến; (2) Tích cực chuẩn bị để phục vụ đặc lực cuộc cách mạng kỹ thuật trên quy mô lớn, với trình độ cao và trong phạm vi cả nước sau khi cuộc chiến tranh chống Mỹ kết thúc thắng lợi

Trong đó các giải pháp hướng vào (2) là:

- Vạch ra đường lối, phương hướng, quy hoạch cho cách mạng kỹ thuật và phát triển khoa học và kỹ thuật
- Tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật
- Tiến hành điều tra cơ bản về điều kiện thiên nhiên và tài nguyên của nước ta
- Tìm hiểu những thành tựu khoa học và kỹ thuật của thế giới, nắm cho được những hiểu biết khoa học và kỹ thuật hiện đại nhất có liên quan đến công cuộc xây dựng của nước ta
- Xây dựng hệ thống các cơ sở nghiên cứu và thí nghiệm khoa học và kỹ thuật
- Tiến hành nghiên cứu dần những vấn đề khoa học và kỹ thuật lớn mà chúng ta sẽ phải giải quyết

## 1.2.3 Tổng quan nhiệm vụ, giải pháp phát triển KH,CN&ĐMST trong văn kiện quan trọng của Đảng Cộng sản Việt Nam

### ***- Giai đoạn kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp (1976 – 1986)***

*Nghị quyết số 37-NQ/TW về chính sách khoa học và kỹ thuật (1981):* cần nâng cao tỷ lệ đầu tư tài chính cho hoạt động nghiên cứu và triển khai; ra sức xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật và công nhân lành nghề; có cán bộ đầu đàn và chuyên gia trình độ cao trong nghiên cứu, giảng dạy và sản xuất, cán bộ có năng lực về tổ chức và quản lý trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội; kiện toàn hệ thống cơ quan nghiên cứu và triển khai; cải tiến quản lý khoa học và kỹ thuật; nghiên cứu và lựa chọn những hình thức hợp tác thích hợp nhất trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi; hết sức coi trọng chủ trương nhập các kỹ thuật có chọn lọc, vận dụng những hình thức hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của các ngành quan trọng trong nền kinh tế quốc dân.

## 1.2.3 Tổng quan nhiệm vụ, giải pháp phát triển KH,CN&ĐMST trong văn kiện quan trọng của Đảng Cộng sản Việt Nam

### - *Giai đoạn đổi mới và hội nhập (từ 1986)*

*Nghị quyết của Bộ Chính trị số 26-NQ/TW (1991):* thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ KH&CN; xây dựng quy chế dân chủ trong mọi sinh hoạt khoa học; kiện toàn hệ thống các tổ chức khoa học; tăng mạnh đầu tư cho các hoạt động KH&CN từ nhiều nguồn (...)

*Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Khóa VIII Ban Chấp hành Trung ương Đảng - số 02-NQ/HNTW (1996):* Tăng cường các chính sách đối với cán bộ KH&CN; Tăng đầu tư cho phát triển KH&CN từ nhiều nguồn; Tạo lập thị trường cho khoa học và công nghệ; Phát động phong trào quần chúng tiến quân vào khoa học phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng chế phát minh, áp dụng KH&CN vào mọi mặt của sản xuất, đời sống.

*Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI - số 20-NQ/TW (2012):* đầu tư phát triển một số viện KH&CN, trường đại học cấp quốc gia theo mô hình tiên tiến của thế giới; hình thành các tập thể nghiên cứu đáp ứng yêu cầu giải quyết các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia; phát triển các nhóm nghiên cứu trẻ, tiềm năng; đẩy mạnh phát triển các doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hỗ trợ các doanh nghiệp thành lập tổ chức nghiên cứu và phát triển; khuyến khích thành lập các viện nghiên cứu phát triển có vốn đầu tư nước ngoài và thành lập chi nhánh của các viện nghiên cứu nước ngoài ở Việt Nam; (....)

## 1.2.3 Tổng quan nhiệm vụ, giải pháp phát triển KH,CN&ĐMST trong văn kiện quan trọng của Đảng Cộng sản Việt Nam

### # Một số phân tích

1. Nhìn chung có xu hướng thay đổi là các giải pháp phát triển KH,CN&ĐMST ngày càng được chú ý toàn diện hơn trên nhiều mặt: đầu tư, nhân lực, tổ chức, hạ tầng, đổi mới cơ chế quản lý, thị trường KH&CN, hợp tác quốc tế, sáng kiến cải tiến kỹ thuật. Đồng thời ở mỗi mặt, mức độ cụ thể cũng được tăng lên
2. Sự thay đổi của các giải pháp phát triển KH,CN&ĐMST dựa trên những cơ sở nhất định: khác biệt trong điều chỉnh giữa các chính sách được tạo bởi đặc thù của từng chính sách, bởi nỗ lực thử nghiệm các sáng kiến khác nhau và cũng do cả sự lúng túng trong giải quyết các vấn đề nan giải; thay đổi theo quan điểm và mục tiêu phát triển KH,CN&ĐMST đã được xác định trong từng giai đoạn; thay đổi theo bối cảnh mới
3. Có một số giải pháp được lặp đi lặp lại qua nhiều giai đoạn khác nhau, điển hình như: quy hoạch lại hệ thống KH&CN công lập; đổi mới cơ chế quản lý tổ chức KH&CN công lập; đổi mới quản lý nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước; phát triển đội ngũ nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư// Sự trùng lặp một số giải pháp phát triển KH,CN&ĐMST cho thấy khó khăn trong việc thực thi chủ trương trên thực tế và cũng thể hiện sự quyết tâm, kiên trì của Đảng trong giải quyết các vấn đề cản trở phát triển KH,CN&ĐMST



### **1.3 Các nội dung trọng tâm về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030**

### **1.3.1 Một số vấn đề chung về Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030**

Những tiền đề cho Chiến lược phát triển KT - XH 10 năm 2021 – 2030

Định hình kinh tế Việt Nam giai đoạn 2021 – 2030

Bố cục văn bản chiến lược

# Những tiền đề cho Chiến lược phát triển KT - XH 10 năm 2021 – 2030

# Chiến lược phát triển KT - XH 10 năm 2021 – 2030 không phải hoàn toàn từ đầu mà dựa trên những giá trị cơ bản đã được xác định trong Hiến pháp, Cương lĩnh phát triển đất nước

# Hiến pháp, Cương lĩnh phát triển đất nước đã khẳng định mục tiêu phát và mô hình phát triển cơ bản của nước ta

- Hiến pháp 2013: Chế độ chính trị (Chương I) ; Quyền con người (Chương II); kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, KH&CN, môi trường (Chương III); Bảo vệ tổ quốc (Chương IV)

- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011): Quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội (Mục II); Những định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại (Mục III); Hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng (Mục IV)

“Cương lĩnh của Đảng là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và nhân dân ta trong những thập kỷ tới” (Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội - Bổ sung, phát triển năm 2011)

# Chiến lược phát triển trong một giai đoạn cụ thể 10 năm tới (2021 – 2030) phải đặt trong tiến trình chung và mục tiêu chung đã được xác định

- Đã sẵn có một số tiền đề nền tảng quan trọng
- Đảm bảo cho quyết sách phát triển trong giai đoạn 10 năm tới thống nhất với ở các giai đoạn trước và giai đoạn sau này
- Tránh nguy cơ chệch hướng

# Định hình kinh tế Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030

*(a) Định hình nền kinh tế Việt Nam trên bản đồ kinh tế khu vực, thế giới*

- Quy mô nền kinh tế trong топ 40 nền kinh tế lớn nhất thế giới và đứng thứ 4 trong ASEAN
- GDP bình quân đầu người năm 2020 đạt trên 3.500 USD (tính theo sức mua tương đương đạt khoảng 10.000 USD)
- Việt Nam nằm trong топ 10 quốc gia tăng trưởng cao nhất thế giới (là một trong 16 nền kinh tế mới nổi thành công nhất thế giới)
- Độ mở của nền kinh tế đạt khoảng 200%GDP, là một trong những nước có độ mở cao nhất thế giới
- Quan hệ chính thức với 189/193 quốc gia; có quan hệ kinh tế, thương mại
- Đã ký 15 Hiệp định FTA, đang đàm phán 2 FTA và có 16 đối tác chiến lược
- Về môi trường kinh doanh
  - + Lạm phát ổn định dưới 4%; môi trường kinh tế vĩ mô, chính trị, xã hội ổn định, thuận lợi
  - + Xếp thứ 8 trong số các nền kinh tế tốt nhất thế giới để đầu tư năm 2019
  - + Năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 xếp thứ 67/141, tăng 10 bậc so với năm 2018
  - + Giá trị thương hiệu quốc gia năm 2020 tăng 9 bậc, xếp hạng 33 thế giới, đạt 319 tỷ USD

## Định hình kinh tế Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030

*(a) Định hình nền kinh tế Việt Nam trên bản đồ kinh tế khu vực, thế giới (tiếp)*

- Về phát triển con người và phát triển bền vững

- + Chỉ số phát triển con người (HDI) lọt vào nhóm các nước phát triển con người cao và xếp thứ 117/189 (trong giai đoạn 1990-2019, giá trị HDI của Việt Nam đã tăng gần 46%)

- Về chỉ số quyền lực trong châu Á: xếp hạng VN năm 2020 tăng lên 12/26 quốc gia, vùng lãnh thổ



Đã có những bước tiến (nền tảng cho bước phát triển cao hơn), đồng thời vẫn còn tụt hậu

# Định hình kinh tế Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030

*(b) Định hình giai đoạn 2021 – 2030 trong tiến trình phát triển chung của Việt Nam*

Giai đoạn 2021-2030 có vai trò lịch sử đặc biệt

- Giai đoạn có tính quyết định Việt Nam vượt qua “bẫy thu nhập trung bình”
- Giai đoạn “bứt phá” (Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2021-2030 phải cao hơn nhiều mức bình quân 6,3% giai đoạn 2011-2020)



Nền kinh tế Việt Nam 10 năm tới giống như con hổ sau giai đoạn nhún mình hạ thấp trọng tâm là nhảy vọt, giống như máy bay sau giai đoạn chạy đà trên mặt đất là cất cánh

Cần tận dụng sự tích lũy của các giai đoạn trước để bứt phá

Mục tiêu Chiến lược KT-XH giai đoạn 2011-2020: “... tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau”

# **Bố cục văn bản Chiến lược phát triển KT - XH 10 năm 2021 – 2030**

- Chủ đề Chiến lược
- Quan điểm phát triển
- Mục tiêu chiến lược
- Các đột phá chiến lược
- Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội
- Tổ chức thực hiện

### **1.3.2 Các nội dung trọng tâm về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030**

- KH,CN&ĐMST trong Chủ đề Chiến lược
- KH,CN&ĐMST trong bối cảnh quốc tế
- KH,CN&ĐMST trong đánh giá tình hình đất nước
- KH,CN&ĐMST trong quan điểm phát triển
- KH,CN&ĐMST trong các đột phá chiến lược
- KH,CN&ĐMST trong phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển KT-XH



## KH,CN&ĐMST trong Chủ đề Chiến lược

Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa, con người Việt Nam và sức mạnh thời đại, huy động mọi nguồn lực, phát triển nhanh và bền vững **trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**, phấn đấu đến năm 2030 là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao

---

Nhằm vào 3 thành tố trọng tâm trong Chủ đề Chiến lược:

- + Động lực tinh thần và sự quyết tâm: Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy mạnh mẽ giá trị văn hoá, con người Việt Nam và sức mạnh thời đại
- + Cách thức, phương tiện chủ yếu: Huy động mọi nguồn lực, phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở **khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo** và chuyển đổi số
- + Mục tiêu phấn đấu: Phấn đấu đến năm 2030 là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao

## **KH,CN&ĐMST trong bối cảnh quốc tế**

- KH,CN&ĐMST và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn biến rất nhanh, đột phá, tác động sâu rộng và đa chiều trên phạm vi toàn cầu
- KH,CN&ĐMST ngày càng trở thành nhân tố quyết định đối với năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia
- Công nghệ số sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, làm thay đổi phương thức quản lý nhà nước, mô hình sản xuất kinh doanh, tiêu dùng và đời sống văn hóa, xã hội

## **KH,CN&ĐMST trong đánh giá tình hình đất nước**

- KH,CN&ĐMST chưa thực sự trở thành động lực phát triển
- Mô hình tăng trưởng chưa dựa trên nền tảng KH,CN&ĐMST

## KH,CN&ĐMST trong quan điểm phát triển

- Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
- Xây dựng nền kinh tế tự chủ phải trên cơ sở làm chủ công nghệ và chủ động, tích cực hội nhập, đa dạng hóa thị trường, nâng cao khả năng thích ứng của nền kinh tế

## KH,CN&ĐMST trong mục tiêu

Phấn đấu đến năm 2030, là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; có thể chế quản lý hiện đại, cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả; kinh tế phát triển năng động, nhanh và bền vững, độc lập, tự chủ trên **cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo** gắn với nâng cao hiệu quả trong hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy sức sáng tạo, ý chí và sức mạnh toàn dân tộc, xây dựng xã hội phồn vinh, dân chủ, công bằng, văn minh, trật tự, kỷ cương, an toàn, bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân; không ngừng nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Phấn đấu đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

## **KH,CN&ĐMST trong các đột phá chiến lược**

- Tiếp tục phát triển toàn diện nguồn nhân lực, KH,CN&ĐMST gắn với khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự cường và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam
- Phát triển mạnh mẽ KH,CN&ĐMST và chuyển đổi số để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Có thể chế, cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng, chuyển giao công nghệ
- Nâng cao năng lực nghiên cứu, làm chủ một số công nghệ mới, hình thành năng lực sản xuất mới có tính tự chủ và khả năng thích ứng, chống chịu của nền kinh tế, lấy doanh nghiệp làm trung tâm nghiên cứu phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, ứng dụng công nghệ số
- Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

## **KH,CN&ĐMST trong phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển KT-XH**

- Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển nền khoa học Việt Nam (...)
- Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khoa học xã hội và nhân văn (...)
- Phát triển mạnh KH,CN&ĐMST và chuyển đổi số là động lực chính của tăng trưởng kinh tế (...)
- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế hoạt động nghiên cứu, quản lý khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo (...)
- Lấy việc nâng cao trình độ công nghệ của nền kinh tế là tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của khoa học, công nghệ (...)
- Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (...)
- Nâng cao tiềm lực và trình độ khoa học, công nghệ trong nước (...)
- Phát triển mạnh thị trường khoa học, công nghệ gắn với xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học, công nghệ (...)
- Đẩy mạnh hội nhập và hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ (...)

# Các nội dung KH,CN&ĐMST trong các phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển công nghiệp, nông nghiệp

## 1.2. Các nội dung trọng tâm về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030

### # Một số phân tích

1. Nội dung KHCN&ĐMST được đề cập hệ thống, xuyên suốt trong tất cả các phần của Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2021-2030 từ chủ đề, bối cảnh, quan điểm phát triển, mục tiêu chiến lược, các đột phá chiến lược đến phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế-xã hội. Các nội dung về KHCN&ĐMST trong Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2021-2030 được thống nhất chặt chẽ với nhau.
2. Nội dung về KHCN&ĐMST được thể hiện trong mối quan hệ gắn kết chặt chẽ ở tầm chiến lược với phát triển kinh tế - xã hội
3. Có những điểm mới về nội dung KHCN&ĐMST trong Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2021-2030: đổi mới sáng tạo; thể chế, cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội; ...
4. Vai trò, vị trí quan trọng của KHCN&ĐMST không chỉ được thể hiện ở nội dung mà cả trong hình thức trình bày của văn bản Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2021-2030: KHCN&ĐMST có mặt ở các mục quan trọng của Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2021-2030; KHCN&ĐMST được đề cao trong Phần phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế-xã hội: là mục thứ 2 sau đổi mới thể chế
5. Nội dung KHCN&ĐMST trong Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2021-2030 mang tính cơ bản, là định hướng xây dựng các văn bản về KHCN&ĐMST như Chiến lược phát triển KHCN&ĐMST đến năm 2030, ...



## **2. Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 ở Việt Nam**

2.1 Một số vấn đề chung về Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST

2.2 Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2030 ở Việt Nam: quá trình xây dựng và một số nội dung cơ bản

## **2.1 Một số vấn đề chung về Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST**

### **2.1.1. Chiến lược và khung chiến lược phát triển KH&CN**

- Khái niệm chiến lược và chiến lược phát triển KH&CN
- Đặc điểm cơ bản của chiến lược phát triển KH&CN
- Vai trò của chiến lược phát triển KH&CN
- Khung chiến lược phát triển KH&CN

### **2.1.2. Một số phương pháp luận xây dựng chiến lược phát triển KH&CN và thành phần tham gia xây dựng chiến lược phát triển KH&CN**

- Một số phương pháp luận xây dựng chiến lược phát triển KH&CN
- Các thành phần tham gia vào xây dựng chiến lược phát triển KH&CN

# Chiến lược và khung chiến lược phát triển KH&CN

## *Khái niệm chiến lược nói chung*

- Khái niệm chiến lược (Strategy) bắt đầu từ lĩnh vực quân sự. Vai trò của “chiến lược” nổi lên rõ rệt khi mục tiêu cuối cùng không thể đạt được bằng một chiến dịch đơn lẻ, mà cần phải tuân theo một số giai đoạn trên con đường hành động. *Cần phải phối hợp các chiến dịch sao cho các mục tiêu cục bộ đạt được trong từng chiến dịch hợp thành một con đường ngắn nhất đạt tới mục tiêu quân sự cuối cùng.*

- Có những cách diễn đạt khác nhau về chiến lược:

+ là tập hợp những quyết định, những hành động hoặc những kế hoạch liên kết với nhau để thực hiện mục tiêu đặt ra của một tổ chức

+ là những mưu tính và quyết sách đối với những vấn đề trọng đại có tính chất toàn cục và lâu dài

+ Là sự lựa chọn có căn cứ khoa học các mục tiêu căn bản, chủ yếu để phát triển, đồng thời xác định các nguồn lực, phương tiện, chọn lựa các phương án thích hợp để đạt các mục tiêu căn bản đó

+ V.v...

Chiến lược nhằm vào giải quyết tổng hợp các vấn đề sau:

\* Định rõ **mục tiêu** cần đạt

\* Chỉ rõ **con đường**, hay **phương thức** để đạt mục tiêu

\* Định hướng phân bổ **nguồn lực** để đạt được mục tiêu lựa chọn

### Một số đặc điểm cơ bản của chiến lược

- (i) Công cụ của chủ thể quản lý (chẳng hạn như là Nhà nước)
- (ii) Phải cụ thể về mục tiêu phải đạt, con đường phát triển, các vấn đề ưu tiên trong phân bổ nguồn lực (thể hiện tính “tự giác”)
- (iii) Hướng tới những hoạt động vừa lâu dài vừa toàn diện
- (iv) Định hướng nguyên tắc cho các hoạt động trong xã hội và là cơ sở quyết định các chính sách và nhiệm vụ
- (v) Mang tính chủ quan

### *Yêu cầu cơ bản đối với chiến lược*

- *Có căn cứ khoa học*: phù hợp với các quy luật khách quan
- *Có tính dự báo*: hướng về những vấn đề trong tương lai
- *Đảm bảo tính tổng thể*: nhìn nhận vấn đề một cách toàn diện
- *Có tính khả thi*: được bảo đảm bằng những nguồn lực
- *Bảo đảm tính thống nhất*: với các công cụ quản lý khác
- *Đúng thẩm quyền*: phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mỗi cấp quản lý
- *Ổn định trong một thời gian dài*: phải duy trì trong một thời gian dài, không thể thay đổi liên tục
- *Tính kinh tế và tính hiệu quả cao*: kết quả đem lại so với chi phí cho việc ra chiến lược và tổ chức thực hiện phải cao

## ***Khái niệm chiến lược phát triển KH&CN***

- Một số định nghĩa:

+ Theo tác giả B.Benev, “chiến lược phát triển KH&CN được hiểu là sự xác định các phương hướng chủ yếu, các con đường phát triển, các vấn đề ưu tiên và các nỗ lực hướng đích của Nhà nước trong lĩnh vực KH&CN”.

+ Theo các học giả Trung Quốc: “Chiến lược phát triển KH&CN là những chuẩn tắc, quy định những hành vi trong các hoạt động KH&CN, mang tính chất *toàn diện và lâu dài* hoặc của một Nhà nước, hoặc của một khu vực, nhằm thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội và đáp ứng nhu cầu phát triển của bản thân KH&CN”

+ Theo các học giả Trung Quốc: “Chiến lược phát triển KH&CN chính là sách lược, mưu lược phát triển KH&CN, là những nguyên tắc hành động quan trọng, quy định các thời kỳ và giai đoạn phát triển, là công trình chung thu tóm toàn cục, quyết định chính sách, kế hoạch, nhiệm vụ phát triển KH&CN”

+ V.v...

- Có thể dựa vào khái niệm chung về chiến lược để định nghĩa: Chiến lược KH&CN là tổ hợp các **mục tiêu** cần đạt, các **con đường** để đạt mục tiêu và phương thức **nguồn lực** để đạt được mục tiêu lựa chọn trong lĩnh vực KH&CN

## Đặc thù của Chiến lược phát triển KH&CN

- So với hoạt động kinh tế có sự khác biệt về cơ bản là mang tính phi lợi nhuận, hoặc mang lại lợi ích gián tiếp, cần những đầu tư dài hạn
- Hạn chế của cơ chế thị trường trong lĩnh vực KH&CN đòi hỏi vai trò Nhà nước nhiều hơn
- Khó dự báo về sự phát triển KH&CN dẫn tới độ rủi ro khá cao và phải chú ý điều chỉnh
- Hoạt động KH&CN gồm các loại hoạt động cụ thể như nghiên cứu khoa học, nghiên cứu phát triển công nghệ, dịch vụ KH&CN, ... và các hoạt động khác nhằm phát triển KH&CN
- Yêu cầu tiến hành chiến lược KH&CN gắn liền xu hướng phát triển của hoạt động KH&CN với các đặc điểm:
  - + Quy mô ngày càng lớn với nhiều hoạt động khác nhau cần phối hợp với nhau
  - + Gắn kết chặt chẽ với hoạt động kinh tế - xã hội và có ý nghĩa ngày càng trực tiếp đến phát triển kinh tế - xã hội
  - + Yêu cầu và khả năng về dự báo KH&CN ngày càng rõ hơn

## Ý nghĩa của chiến lược phát triển KH&CN

- Ý nghĩa về cái gì?
- Ý nghĩa với ai?
- Ý nghĩa khi nào?



## Tạo sự chủ động trong phát triển KH&CN

Nhà nước tác động vào hoạt động KH&CN thông qua nhiều cách khác nhau

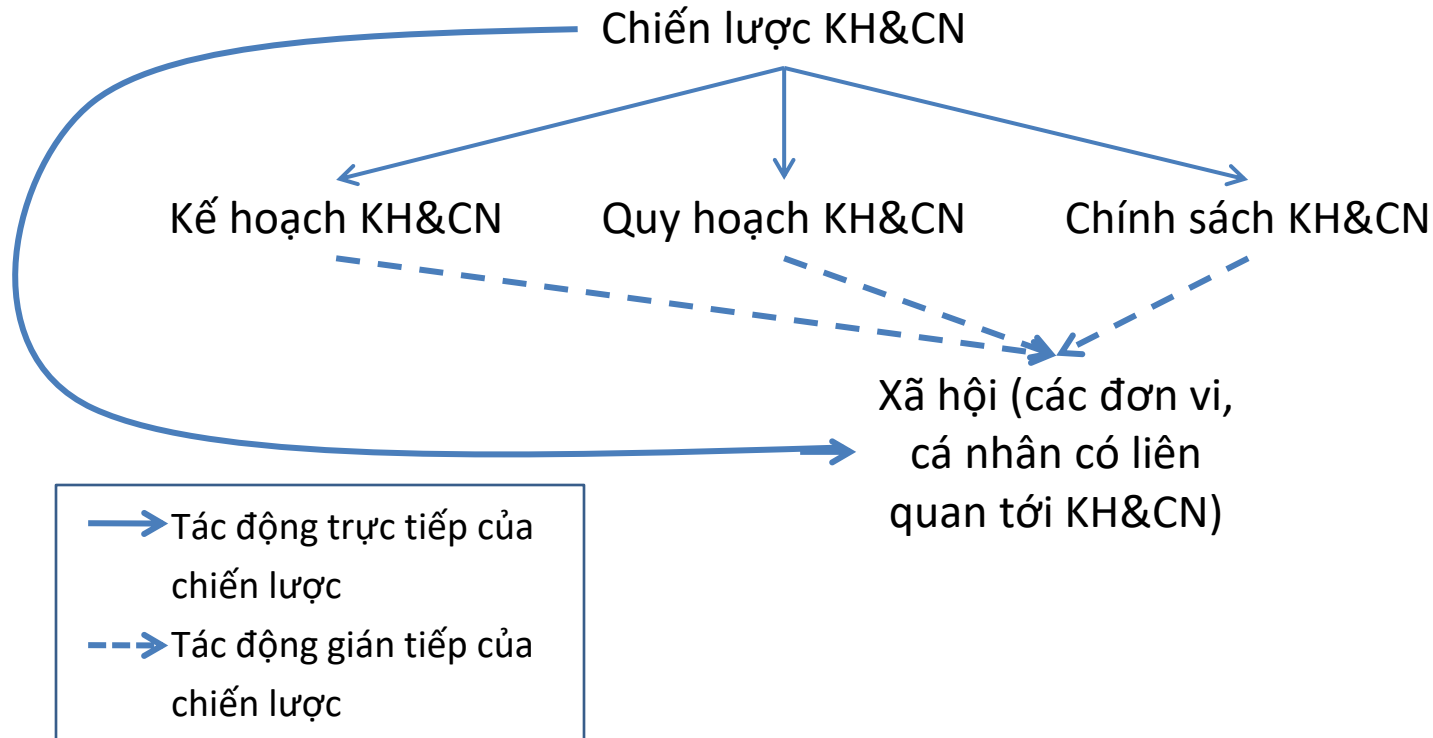
Chiến lược KH&CN là công cụ để nhà nước điều chỉnh hoạt động KH&CN với những ý nghĩa cơ bản sau:

- Chủ động hướng tới mục tiêu ở tầm dài hạn
- Chủ động hướng tới mục tiêu ở tầm phối hợp rộng lớn
- Chủ động lựa chọn các phương án phát triển nhằm đạt được mục tiêu đề ra
- Chủ động trong sử dụng nguồn lực nhằm đạt được hiệu quả cao
- Chủ động đưa KH&CN đóng góp nhiều nhất cho phát triển kinh tế - xã hội

*Có thể nói: “Nhìn vào nền KH&CN hiện tại, có thể biết được chiến lược phát triển KH&CN trong quá khứ; nhìn vào chiến lược phát triển KH&CN đang tiến hành, có biết được nền KH&CN trong tương lai”*

# Phạm vi ảnh hưởng của chiến lược KH&CN

## Trong nước



## Quốc tế

- Tìm kiếm các đối tác quốc tế
- Sự cam kết về định hướng phát triển lâu dài

## Các loại chiến lược phát triển KH&CN

### *Theo cấp độ quản lý*

Chiến lược KH&CN của khối (EU...)  
Chiến lược KH&CN quốc gia  
Chiến lược KH&CN của lĩnh vực KH&CN  
Chiến lược KH&CN của Bộ, ngành  
Chiến lược KH&CN của vùng, địa phương  
Chiến lược KH&CN của Viện, trường  
Chiến lược KH&CN của doanh nghiệp

Có mối quan hệ tương thích

Có sự khác biệt:

- Phạm vi, đối tượng
- Nguồn lực

### *Theo tính chất*

- Chiến lược phát triển KH&CN phù hợp với cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp// Chiến lược phát triển KH&CN phù hợp với cơ chế thị trường // Chiến lược phát triển KH&CN phù hợp với hệ thống đối mối quốc gia
- Chiến lược phát triển KH&CN dựa vào bên ngoài// chiến lược phát triển KH&CN theo kiểu “mua một số, làm một số”
- Chiến lược phát triển KH&CN mang tính trực tiếp// chiến lược phát triển KH&CN mang tính định hướng

## Khung chiến lược phát triển KH&CN

Một cách đầy đủ, chiến lược KH&CN có thể bao gồm 3 khối:

*Khối 1:* Cơ sở của Chiến lược, gồm có phần bối cảnh và thực trạng

*Khối 2:* Nội dung chính của Chiến lược, gồm phần quan điểm, mục tiêu, định hướng tiên

*Khối 3:* Thực hiện Chiến lược: gồm phần giải pháp, tổ chức thực hiện, phụ lục

### **Khối 1**

#### **Phần 1:** Bối cảnh

- Những xu hướng trên thế giới
- Bối cảnh trong nước
- Tác động của bối cảnh đến sự phát triển trong thời gian tới

#### **Phần 2:** Thực trạng KH&CN

- Thành tựu
- Hạn chế
- Nguyên nhân

### **Khối 2**

#### **Phần 3:** Quan điểm

#### **Phần 4:** Mục tiêu

#### **Phần 5:** Nhiệm vụ trọng tâm phát triển KH&CN

### **Khối 3**

#### **Phần 6:** Giải pháp thực hiện chủ yếu

#### **Phần 7:** Tổ chức thực hiện

#### **Phần phụ lục**

## Nội dung của các phần cấu thành chính của chiến lược phát triển KH&CN

### *Bối cảnh*

- Xác định được những nhân tố có liên quan và các tác động liên quan tới phát triển KH&CN và đổi mới trong tương lai (kinh tế, xã hội, chính trị, môi trường, ...)
- Dự báo được xu thế phát triển về KH&CN trên thế giới và khu vực trong tương lai
- Xác định được mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong tương lai
- Trên cơ sở các bối cảnh phát triển, phân tích thời cơ và thách thức đối với phát triển KH&CN

## *Quan điểm*

- Là cơ sở để định hình các phần tiếp theo như mục tiêu, định hướng, giải pháp, ... của chiến lược KH&CN
- Là phương châm chỉ đạo trong hoạt động thực tiễn - dựa trên những nguyên tắc mang tính định hướng có thể tìm ra được các giải pháp ứng với điều kiện cụ thể vốn rất phong phú trong cuộc sống
- Một quan điểm phát huy tốt phải vừa mang tính khoa học, vừa mang tính thực tiễn
- Quan điểm của chiến lược có liên quan chặt chẽ với các nội dung của Cương lĩnh phát triển KH&CN.

## *Quan điểm trong chiến lược KH&CN của một số nước*

### **- Thụy Điển** *(Chiến lược KH-CN-Đổi Mới của Thụy Điển)*

- + Đẩy mạnh mô hình đại học nghiên cứu
- + Tạo môi trường, điều kiện khung thuận lợi cho doanh nghiệp
- + Tập trung nhằm “đưa kết quả nghiên cứu ra bên ngoài cơ quan nghiên cứu”, chứ không chỉ “thông báo về nhu cầu của doanh nghiệp cho giới hàn lâm”

### **- Nhật Bản** *(Kế hoạch cơ bản về KH&CN – Quyết định của Chính phủ ngày 19/8/2011)*

- + Triển khai thống nhất “chính sách KHCN, cải cách công nghệ”
- + coi trọng hơn “nhân tài và vai trò của tổ chức”
- + Thực hiện “chính sách sáng tạo cùng xã hội”

## *Mục tiêu*

- Mục tiêu là những mốc cần đạt tới của giai đoạn phát triển trong chiến lược
- Mục tiêu sẽ góp phần xác định định hướng, giải pháp phát triển KH&CN và là căn cứ để sau này đánh giá mức độ thành công, thất bại của chiến lược. Với ý nghĩa đó, mục tiêu của chiến lược cần được xây dựng một cách thận trọng và khoa học
- Mục tiêu bao gồm mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể
- Mục tiêu bao gồm định tính và định lượng. Mục tiêu định lượng được thể hiện bởi các chỉ tiêu và mức độ của các chỉ tiêu
- Mục tiêu vừa mang tính dài hạn vừa mang tính tổng thể. Với mục tiêu dài hạn thì cần có các mốc trung gian để tiến tới tương lai. Với mục tiêu tổng thể thì cần chọn ra những chỉ tiêu cơ bản, chú ý đến mối quan hệ giữa cơ bản và tổng thể

## *Lưu ý:*

- Mục tiêu trong chiến lược phải rõ ràng
- Kỳ vọng cao thấp liên quan tới rủi ro




### *Định hướng /Nhiệm vụ trọng tâm*

- Làm rõ được các đối tượng ưu tiên cần tập trung phát triển để thông qua đó tạo ra cục diện KH&CN mới.

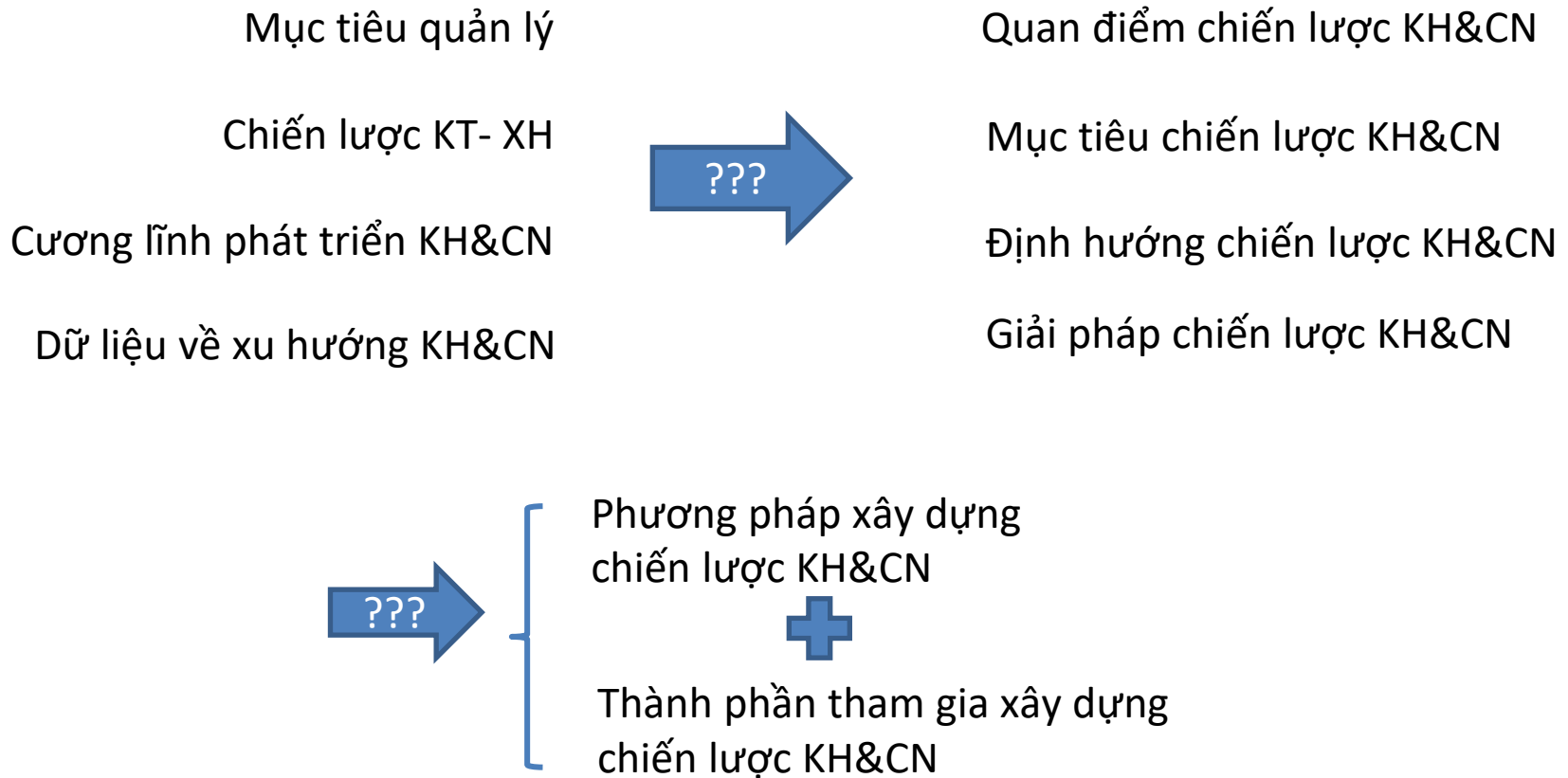
### *Giải pháp*

Giải pháp cần tập trung vào các vấn đề:

- |  |  |   |
|--|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"><li>- Đảm bảo nguồn lực để thực hiện các định hướng phát triển KH&amp;CN</li><li>- Tổ chức phối hợp, thu hút các lực lượng trong thực hiện chiến lược</li><li>- Tuyên truyền để văn bản chiến lược vào cuộc sống</li></ul> |  | <ul style="list-style-type: none"><li>* Liên quan cả nguồn lực vật chất cơ chế chính sách</li><li>* Không chỉ sử dụng lực lượng sẵn có mà còn phải tạo lập lực lượng mới đủ khả năng thực hiện mục tiêu mới</li></ul> |
|--|--|---|

Giải pháp ở đây thường mang tính cơ bản và chiến lược (khác với giải pháp tầm ngắn hạn và lĩnh vực hẹp)

## 2.1.2 Một số phương pháp luận xây dựng chiến lược phát triển KH&CN và thành phần tham gia xây dựng chiến lược phát triển KH&CN



## Một số phương pháp xây dựng chiến lược KH&CN

### *Nhìn trước về công nghệ*

- Trung tâm Foresight công nghệ (CTF) của APEC: “Foresight là những ý đồ mang tính hệ thống để nhìn vào tương lai phát triển của KH&CN, kinh tế-xã hội, và những tương tác giữa các yếu tố đó, nhằm đạt tới những lợi ích về kinh tế, xã hội, và môi trường”
- Một số điểm đáng lưu ý:
  - + Những ý đồ nhìn vào tương lai phải mang tính hệ thống
  - + Những ý đồ này phải ở tầm dài hạn, thường là từ 10 đến 20 năm
  - + Foresight là một quá trình hơn là bản thân một vài kỹ thuật đơn giản, bao gồm các hoạt động tham khảo ý kiến các bên, các tương tác giữa bên nghiên cứu và bên sử dụng (theo nghĩa rộng) kết quả
  - + Việc tạo ra phúc lợi và phát triển bền vững phải đi liền với nhau
  - + Chú trọng những phân tích về lợi ích (và bất lợi) của các công nghệ mới

## *Đánh giá tổng quan chính sách KH&CN/ SWOT*

- Chính sách KH&CN của một quốc gia phải được hình thành và thích nghi với những điều kiện cụ thể của địa phương/ thay vì du nhập giản đơn từ bên ngoài → Việc đánh giá lại chính sách KH&CN hiện hành sẽ là cơ sở tốt cho việc định hướng điều chỉnh chính sách KH&CN trong tương lai

- Đặc điểm đáng lưu ý của cách tiếp cận này là:

+ Việc đánh giá tổng quan được thực hiện bởi một Nhóm chuyên gia quốc tế (từ nhiều nước khác nhau) về phân tích chính sách KH&CN

+ Phương pháp tiến hành đánh giá chủ yếu dựa vào kết quả khảo sát và phỏng vấn trực tiếp ba nhóm người (người hoạch định chính sách; người thực thi chính sách; người chịu tác động của chính sách)

+ Mục tiêu của “Đánh giá tổng quan” không hướng vào đưa ra các “Lời khuyên”, các “Khuyến nghị” mà chỉ cố gắng đưa ra “một tấm gương” dựa trên sự nắm bắt và chắt lọc những kinh nghiệm

## *Xây dựng Lộ trình công nghệ (TRM)*

- “Lộ trình công nghệ” (còn hiểu là một *bản đồ* con đường phát triển công nghệ) có hàm ý nói tới “một cách nhìn có hệ thống và tích cực hướng về tương lai”
- “Lộ trình công nghệ” phải xác định được các công nghệ then chốt (critical) cần thiết cho công nghiệp (theo ngành, theo doanh nghiệp) để đáp ứng nhu cầu của thị trường trong vòng 5 -10 năm tới
- Thực chất của việc xác định “Lộ trình công nghệ” là: Đánh giá nhu cầu của thị trường trong tương lai + Xác định những công nghệ quan trọng cần thiết qua các mốc thời gian (3 năm, 5 năm hoặc 10 năm) ➔ Đáp ứng đòi hỏi của thị trường
- Đồng thời đưa ra các biện pháp phối hợp các nỗ lực của cả Nhà nước, cộng đồng khoa học và công nghệ và giới doanh nghiệp để có thể vươn tới các công nghệ đã xác định”
- Lộ trình công nghệ có thể hiểu như một loại chương trình hướng vào hành động, vì vậy phạm vi áp dụng cách tiếp cận này tương đối vạn năng. Có thể xây dựng các loại “Lộ trình công nghệ” sau: Lộ trình công nghệ cho các ngành kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, bưu chính viễn thông, hàng không, v.v...); Lộ trình công nghệ cho các doanh nghiệp; Lộ trình công nghệ cho một dự án phát triển (ví dụ dự án phát triển năng lượng mặt trời ở Mỹ); Lộ trình công nghệ cho một sản phẩm; v.v..

## **Một số phương pháp xây dựng chiến lược KH&CN**

- Phương pháp xây dựng chiến lược KH&CN phù hợp với tính chất của văn bản chiến lược
- Phương pháp rất quan trọng, quyết định chất lượng của Chiến lược
- Các phương pháp khác nhau có thể ra đời theo thứ tự trước sau, nhưng phải thay thế nhau (theo quan hệ tiên tiến phủ định lạc hậu) mà có thể đồng thời tồn tại tùy theo mục tiêu và hoàn cảnh
- Cần có sự điều chỉnh trong từng phương pháp (nội dung, phương thức tiến hành, ...) tùy theo từng nước
- Các phương pháp hiện tại còn có nhiều hạn chế và cần tiếp tục phát triển
- Điều rút ra từ thực tế ở Việt Nam

## **Các thành phần tham gia xây dựng chiến lược phát triển KH&CN**

### *Xác định các thành phần tham gia vào xây dựng chiến lược phát triển KH&CN*

#### *Thu hút các thành phần cần thiết*

- Thu hút các thành phần vào xây dựng chiến lược phát triển KH&CN nhằm:

- + Đảm bảo sự sáng suốt trong xác định các vấn đề.
- + Có cơ sở khoa học.
- + Phù hợp với ý đồ và ý chí của các nhà lãnh đạo.
- + Thống nhất giữa chủ thể quản lý và đối tượng quản lý.
- + Cam kết thực hiện chiến lược ngay từ khi xây dựng chiến lược

- Tương ứng với những yêu cầu là các thành phần sau:

- + Các nhà lãnh đạo
- + Các nhà quản lý KH&CN các ngành, các cấp
- + Các nhà khoa học (bao gồm cả thành phần đối tượng của chiến lược phát triển KH&CN và thành phần tư vấn xây dựng chiến lược)
- + Các doanh nghiệp và các thành phần xã hội khác

## **2.2 Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2030 ở Việt Nam: quá trình xây dựng và một số nội dung cơ bản**



## *Nguyên tắc xây dựng Chiến lược*

*Thứ nhất*, quán triệt những quan điểm, chủ trương, chính sách phát triển khoa học và công nghệ của Đảng và Nhà nước; Đặc biệt là Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII

*Thứ hai*, phục vụ thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030 của cả nước, bộ, ngành và địa phương

*Thứ ba*, kế thừa có chọn lọc quan điểm, mục tiêu, định hướng nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược phát triển KH&CN 2011-2020 và bổ sung những nội dung mới cho phù hợp với tình hình mới và yêu cầu phát triển đất nước trong bối cảnh mới

*Thứ tư*, đảm bảo sự thống nhất giữa quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trong chiến lược phát triển khoa học và công nghệ

*Thứ năm*, phải đề ra được một số nhiệm vụ, giải pháp mang tính then chốt và đột phá, khắc phục một cách căn bản những tồn tại, hạn chế trước đây (\*)

*Thứ sáu*, bảo đảm tính khoa học trên cơ sở các phương pháp nghiên cứu phù hợp, nguồn cơ sở dữ liệu khách quan, tin cậy, cập nhật và tham khảo kinh nghiệm quốc tế; thu hút sự tham gia rộng rãi và có hiệu quả của các bộ, ngành, địa phương, nhà khoa học, nhà công nghệ, tổ chức KH&CN, doanh nghiệp vào xây dựng Chiến lược

*Thứ bảy*, đảm bảo tính khả thi, phù hợp với điều kiện trong nước và quốc tế

## *Quan điểm phát triển KH,CN&ĐMST*

### + Vai trò của KH,CN&ĐMST

- \* là quốc sách hàng đầu
- \* đóng vai trò đột phá chiến lược
- \* là động lực chính để thúc đẩy tăng trưởng, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của quốc gia, các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội, địa phương và doanh nghiệp
- \* là nền tảng để thực hiện chuyển đổi số quốc gia, đảm bảo quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững
- \* góp phần nâng cao đời sống nhân dân

+ Phát triển đồng bộ, liên ngành, có trọng tâm, trọng điểm khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ

Hình thành và phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, ngành, vùng trong đó doanh nghiệp đóng vai trò là trung tâm, viện nghiên cứu và trường đại học là chủ thể nghiên cứu mạnh, Nhà nước thực hiện vai trò định hướng, điều phối, kiến tạo môi trường thể chế, chính sách thuận lợi cho hoạt động hiệu quả của toàn hệ thống

## *Quan điểm phát triển KH,CN&ĐMST (tiếp)*

+ Kết hợp hài hòa, hiệu quả giữa phát triển năng lực nội sinh với tận dụng tối đa cơ hội, nguồn lực bên ngoài

\* Ưu tiên tiếp thu, hấp thụ, làm chủ và ứng dụng nhanh chóng thành tựu khoa học và công nghệ (KH&CN) tiên tiến của thế giới, đặc biệt là chủ động, tích cực tiếp cận và khai thác triệt để những cơ hội và thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

\* Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng phục vụ thiết thực đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội, đồng thời chú trọng nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng để tiến tới sáng tạo, tự chủ và cạnh tranh về công nghệ ở những lĩnh vực then chốt mà Việt Nam có nhu cầu, tiềm năng và lợi thế

## *Mục tiêu chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST*

### + Mục tiêu tổng quát

#### \* Hướng ngoại

Thực sự trở thành động lực tăng trưởng, góp phần quyết định đưa Việt Nam trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao

Góp phần phát triển toàn diện văn hóa, xã hội, con người, bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

Nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam

#### \* Hướng nội

KH,CN&ĐMST có tiềm lực và trình độ tiên tiến ở nhiều lĩnh vực quan trọng, thuộc nhóm dẫn đầu trong các nước có thu nhập trung bình cao

Trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đạt mức trên trung bình của thế giới

Một số lĩnh vực KH&CN đạt trình độ quốc tế

## *Mục tiêu chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST*

### + Mục tiêu cụ thể

- \* Nâng cao đóng góp của KH,CN&ĐMST vào tăng trưởng kinh tế
- \* KH,CN&ĐMST đóng vai trò quan trọng trong phát triển một số ngành công nghiệp nền; tham gia tích cực, hiệu quả và tận dụng lợi thế thương mại, cơ hội cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư
- \* KH,CN&ĐMST góp phần quan trọng trong xây dựng, phát triển giá trị văn hóa, xã hội, con người Việt Nam, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

## *Mục tiêu chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST*

### **+ Mục tiêu cụ thể (tiếp)**

- \* Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII)
- \* Tổng chi quốc gia cho KH&CN, tổng chi quốc gia cho NC&PT và tỷ lệ đóng góp từ xã hội chi cho NC&PT
- \* Số nhân lực NC&PT (quy đổi toàn thời gian) đạt 10 người/một vạn dân; số lượng và chất lượng nhân lực NC&PT, nhân lực quản lý, quản trị công nghệ và đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp tăng nhanh để đáp ứng các yêu cầu của đổi mới sáng tạo.
- \* Hệ thống tổ chức KH&CN được cơ cấu lại; số tổ chức KH&CN được xếp hạng khu vực và thế giới
- \* số doanh nghiệp đạt tiêu chí của doanh nghiệp KH&CN và số doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo; số doanh nghiệp thuộc nhóm có trình độ công nghệ hàng đầu của khu vực.
- \* số lượng công bố quốc tế của Việt Nam; số lượng đơn đăng ký sáng chế và văn bằng bảo hộ sáng chế

## ***Chỉ tiêu trong mục tiêu cụ thể của chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST***

### ***+ Phục vụ phát triển kinh tế – xã hội***

- \* Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên 50%
- \* Đến năm 2030, tỉ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo đạt tối thiểu 45%
- \* Đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì trên 0,7; bảo đảm quốc phòng an ninh, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

### ***+ Phát triển tiềm lực KH,CN&ĐMST***

- \* Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) không ngừng được cải thiện, thuộc nhóm 40 quốc gia hàng đầu thế giới
- \* Đến năm 2025, đầu tư cho khoa học và công nghệ đạt 1,2%-1,5% GDP, trong đó tổng chi quốc gia cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đạt 0,8%-1% GDP và đóng góp của xã hội cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ chiếm từ 60%-65%. Đến năm 2030, đầu tư cho khoa học và công nghệ đạt 1,5-2% GDP, trong đó tổng chi quốc gia cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đạt 1%-1,2% GDP và đóng góp của xã hội cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ chiếm 65%-70%

## # **Chỉ tiêu trong mục tiêu cụ thể của chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST**

### + *Phát triển tiềm lực KH,CN&ĐMST (tiếp)*

- + Đến năm 2025, nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (quy đổi toàn thời gian) đạt 10 người trên một vạn dân; đến năm 2030 đạt 12 người trên một vạn dân
- \* Đến năm 2025, có 25-30 tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng khu vực và thế giới, đến năm 2030 có 40-50 tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng khu vực và thế giới
- \* Đến năm 2030, số doanh nghiệp đạt tiêu chí doanh nghiệp khoa học và công nghệ và số doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tăng hai lần so với năm 2020; tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt 40% trong tổng số doanh nghiệp. Tăng nhanh số doanh nghiệp thuộc nhóm có trình độ công nghệ hàng đầu của khu vực
- \* Số lượng công bố quốc tế tăng trung bình 10%/năm. Số lượng đơn đăng ký sáng chế và văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình 16 - 18%/năm; số lượng đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng tăng trung bình 12 - 14%/năm, 10 - 12% trong số đó được đăng ký bảo hộ ở nước ngoài; tỷ lệ sáng chế được khai thác thương mại đạt 8 - 10% số sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ. Phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI) thuộc nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới.



## *Định hướng phát triển KH,CN&ĐMST*

### 1) Định hướng nhiệm vụ trọng tâm phát triển KH,CN&ĐMST

- \* KH,CN&ĐMST tập trung phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bao trùm, bảo đảm quốc phòng, an ninh
- \* Đổi mới và hoàn thiện quản trị nhà nước về KH,CN&ĐMST
- \* Hoàn thiện, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia
- \* Phát triển tiềm lực KH,CN&ĐMST
- \* Thúc đẩy hoạt động KH,CN&ĐMST trong doanh nghiệp và phát triển thị trường KH&CN

### 2) Định hướng phát triển nghiên cứu khoa học

- \* Phát triển khoa học xã hội và nhân văn
- \* Phát triển khoa học tự nhiên

## *Định hướng phát triển KH&CN (Tiếp)*

### 3) Định hướng phát triển, ứng dụng công nghệ

- \* Công nghệ thông tin và truyền thông
- \* Công nghệ sinh học
- \* Công nghệ vật liệu mới
- \* Công nghệ chế tạo - tự động hóa tiên tiến
- \* Công nghệ biển
- \* Công nghệ phòng tránh thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu
- \* Công nghệ năng lượng
- \*- Công nghệ môi trường
- \* Công nghệ vũ trụ
- \* Công nghệ xây dựng, giao thông và hạ tầng tiên tiến, thông minh

## Định hướng phát triển KH&CN (*Tiếp*)

### 4) Định hướng hoạt động đổi mới sáng tạo

- \* Hoạt động đổi mới sáng tạo trong các ngành nông nghiệp
- \* Hoạt động đổi mới sáng tạo trong các ngành công nghiệp, xây dựng
- \* Hoạt động đổi mới sáng tạo trong các ngành dịch vụ
- \* Hoạt động đổi mới sáng tạo trong các vùng

## *Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển KH,CN&ĐMST*

- 1) Đổi mới cơ chế hoạt động KH,CN&ĐMST, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về KH,CN&ĐMST
- 2) Xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia
- 3) Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho KH,CN&ĐMST
- 4) Phát triển các viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức KH&CN khác trở thành các chủ thể nghiên cứu mạnh
- 5) Phát triển nguồn nhân lực KH,CN&ĐMST có trình độ và năng lực sáng tạo cao
- 6) Thu hút đầu tư và khai thác có hiệu quả hạ tầng KH,CN&ĐMST
- 7) Thúc đẩy hoạt động KH,CN&ĐMST trong doanh nghiệp và phát triển thị trường KH&CN
- 8) Chủ động đẩy mạnh hợp tác, hội nhập quốc tế về KH,CN&ĐMST
- 9) Tăng cường các hoạt động tôn vinh, truyền thông, nâng cao nhận thức về KH,CN&ĐMST

## # Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển KH,CN&ĐMST

### 1) Đổi mới cơ chế hoạt động KH,CN&ĐMST, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về KH,CN&ĐMST

#### Bao gồm các nội dung:

Cập nhật, sửa đổi Luật KH&CN và các luật liên quan để phù hợp với những yêu cầu mới đặt ra trong hoạt động KH,CN&ĐMST; đổi mới cơ chế, chính sách pháp luật về đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, thuế để khuyến khích, phát triển hoạt động KH, CN&ĐMST; đổi mới toàn diện hoạt động quản lý, điều hành các nhiệm vụ KH&CN

Tái cơ cấu các chương trình, nhiệm vụ KH&CN theo chuỗi giá trị của sản phẩm, tạo giá trị gia tăng; hình thành một số dự án, chương trình KH&CN cấp quốc gia lớn trong một số lĩnh vực trọng điểm, có thế mạnh và có tiềm năng; Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về KH,CN&ĐMST; thành lập Hội đồng quốc gia về KH,CN&ĐMST nhằm thúc đẩy sự phối hợp giữa các cơ quan xây dựng chính sách KH,CN&ĐMST, điều phối, nâng cao hiệu quả hoạt động giữa các bộ, ngành và các cấp; phát triển hệ thống dự báo KH&CN, xây dựng định hướng phát triển công nghệ, bản đồ công nghệ, lộ trình đổi mới công nghệ của một số lĩnh vực ưu tiên

Xây dựng khuôn khổ cho việc đo lường và đánh giá hiệu quả hoạt động KH,CN&ĐMST của các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp

## # Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển KH,CN&ĐMST

### 2) Xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia

#### Bao gồm các nội dung:

Xây dựng và phát triển các hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ gắn với các chuỗi giá trị nội địa và toàn cầu

Xây dựng và phát triển hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo; triển khai mạnh mẽ các nền tảng đổi mới sáng tạo mở, mạng lưới đổi mới sáng tạo mở

Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và tăng cường đầu tư cho các Trung tâm ứng dụng tiên bộ KH&CN trực thuộc các Sở KH&CN để trở thành đầu mối hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo tại các địa phương

## # Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển KH,CN&ĐMST

### 3) Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho KH,CN&ĐMST

#### Bao gồm các nội dung:

Bảo đảm chi cho KH,CN&ĐMST từ 2% trở lên trong tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm và tăng dần theo yêu cầu phát triển KH&CN; đảm bảo các khoản chi đúng mục đích cho hoạt động KH,CN&ĐMST

Rà soát, tháo gỡ các rào cản, hạn chế nhằm tăng số lượng và quy mô của quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp

Hoàn thiện cơ chế hợp tác công tư, hành lang pháp lý cho đầu tư thiên thần, các quỹ đầu tư mạo hiểm, các quỹ đầu tư cộng đồng... nhằm huy động thêm các nguồn lực đầu tư cho KH,CN&ĐMST

## # Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển KH,CN&ĐMST

4) Phát triển các viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức KH&CN khác trở thành các chủ thể nghiên cứu mạnh

Bao gồm các nội dung:

Sửa đổi, hoàn thiện quy định pháp luật về cơ chế tự chủ của các tổ chức KH&CN công lập; tổ chức triển khai rà soát, sắp xếp hệ thống tổ chức viện nghiên cứu công lập

Triển khai các chính sách, giải pháp để đại học thực sự trở thành các trung tâm nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, là nguồn cung tri thức cho các hoạt động ĐMST

Tập trung đầu tư phát triển một số tổ chức KH&CN đạt trình độ khu vực và thế giới



## # Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển KH,CN&ĐMST

5) Phát triển nguồn nhân lực KH,CN&ĐMST có trình độ và năng lực sáng tạo cao

Bao gồm các nội dung:

Chuẩn bị trước một bước nguồn nhân lực KHCN&ĐMST trong tương lai

Đầu tư xây dựng đội ngũ nhân lực KH&CN trình độ cao

Triển khai các giải pháp nâng cao số lượng và chất lượng nguồn nhân lực KHCN&ĐMST đáp ứng nhu cầu của khu vực doanh nghiệp

Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển nguồn nhân lực quản trị công nghệ và quản lý doanh nghiệp; thúc đẩy thu hút và dịch chuyển nhân lực KHCN&ĐMST

## # Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển KH,CN&ĐMST

### 6) Thu hút đầu tư và khai thác có hiệu quả hạ tầng KH,CN&ĐMST

#### Bao gồm các nội dung:

Tiếp tục phát triển mạnh mẽ của các khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung

Phát triển và duy trì hệ thống phòng thí nghiệm mạnh

Phát triển hệ thống tạp chí KH&CN trong nước đạt trình độ quốc tế

Triển khai mạnh mẽ hạ tầng chất lượng quốc gia theo hướng tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương, đồng bộ, hiện đại và gắn với công nghiệp 4.0

Xây dựng chỉ số Hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI) trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành KH&CN

Đầu tư nâng cao năng lực của hệ thống thông tin KH&CN&ĐMST quốc gia

## # Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển KH,CN&ĐMST

### 7) Thúc đẩy hoạt động KH,CN&ĐMST trong doanh nghiệp và thị trường KH&CN

#### Bao gồm các nội dung:

Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin công nghệ trong nước và quốc tế

Sửa đổi đồng bộ giữa các quy định của pháp luật về thuế, tài chính, tín dụng ... để triển khai có hiệu quả các cơ chế ưu đãi đối với doanh nghiệp cho đầu tư KH&CN

Thúc đẩy hình thành và phát triển bộ phận NC&PT trong các doanh nghiệp

Hỗ trợ phát triển một số doanh nghiệp trong nước đạt trình độ công nghệ hàng đầu của khu vực

Xây dựng hành lang pháp lý cho phép sử dụng kết quả KH&CN/tài sản trí tuệ để góp vốn thành lập doanh nghiệp và chương trình tín chấp vay vốn ngân hàng đầu tư

Đẩy mạnh chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực KH&CN&ĐMST thông qua doanh nghiệp FDI

Điều chỉnh, triển khai các cơ chế, chính sách để phát triển mạnh mẽ doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo

Tập trung triển khai các giải pháp phát triển thị trường KH&CN, các giải pháp thúc đẩy đầu ra cho sản phẩm của doanh nghiệp; tiếp tục rà soát

## # Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển KH,CN&ĐMST

### 8) Chủ động đẩy mạnh hợp tác, hội nhập quốc tế về KH,CN&ĐMST

#### Bao gồm các nội dung:

Tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ,...

Thúc đẩy nâng cao năng lực và chuyển giao công nghệ trong các Công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên tham gia

Chủ động mở rộng hợp tác quốc tế hướng vào hỗ trợ một số lĩnh vực KH&CN nhằm đạt trình độ quốc tế

Tăng cường hợp tác quốc tế nhằm học hỏi, chuyển giao các mô hình quản lý về KH&CN&ĐMST tiên tiến phục vụ nâng cao năng lực của bộ máy quản lý các cấp

Chủ động tham gia đóng góp có hiệu quả vào xây dựng khuôn khổ, luật pháp quốc tế về KH&CN&ĐMST

Chủ động tham gia các liên minh nghiên cứu quốc tế về các vấn đề mới phát sinh như vắc-xin Covid, biến đổi khí hậu,...

## # Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển KH,CN&ĐMST

9) Tăng cường các hoạt động tôn vinh, truyền thông, nâng cao nhận thức về KH,CN&ĐMST

Bao gồm các nội dung:

Tiếp tục duy trì và phát triển các giải thưởng nghiên cứu quốc gia dành cho các nhà nghiên cứu có thành tích xuất sắc

Hình thành thêm các giải thưởng dành cho hoạt động đổi mới sáng tạo, cho doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo

Khuyến khích, hỗ trợ thanh, thiếu niên nâng cao hiểu biết về KH&CN và định hướng nghề nghiệp vào lĩnh vực khoa học, kỹ thuật

Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về KH&CN&ĐMST

## # Tổ chức thực hiện

Tập trung làm rõ hai câu hỏi: Làm gì? và Ai làm?

### Làm gì?

1. Định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ; tổ chức sơ kết việc thực hiện Chiến lược trong toàn quốc vào cuối năm 2025 và tổng kết vào cuối năm 2030
2. Xây dựng và thực hiện các kế hoạch KH,CN&ĐMST 5 năm, hàng năm phù hợp với Chiến lược
3. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách để khuyến khích phát triển KH,CN&ĐMST
4. Bố trí nguồn lực để thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Chiến lược trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, ngành và địa phương
5. Cân đối ngân sách nhà nước hàng năm cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo
6. Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các mục tiêu, định hướng nhiệm vụ và giải pháp có liên quan trong Chiến lược của quốc gia vào chiến lược phát triển, kế hoạch 5 năm, hàng năm của ngành, địa phương và tổ chức (\*)

### Ai làm?

1. Bộ Khoa học và Công nghệ
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư
3. Bộ Tài chính
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo
5. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
6. Bộ Nội vụ
7. Bộ Thông tin và Truyền thông
9. Các bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ
10. Các viện NC, trường đại học, các doanh nghiệp
11. Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, tổ chức khác

Cảm ơn sự theo dõi